TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẬP
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 02 năm 2018
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP- TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trường

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Xuân Trường

2- Ông Phùng Duy Nam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cấn Trường Trung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/TLST/HNGĐ/QĐXXST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn :* Chị Trịnh Thị H - Sinh năm 1989 - Có mặt.

Địa chỉ: Khu Đoàn Kết, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn L - Sinh năm 1989- Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai)

Địa chỉ: Khu Đoàn Kết, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án của nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 12 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng yêu thương nhau, hai bên đã cố gắng bàn bạc để cải thiện tình trạng hôn nhân và được gia đình góp ý nhưng không khắc phục được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị H

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Do anh L không đến Tòa án, khi Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương và gia đình để tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật và yêu cầu anh Lập làm bản tự khai, tham gia phiên họp để trình bày quan điểm về việc chị H xin ly hôn và giải quyết các mối quan hệ khác về gia đình nhưng anh L không hợp tác.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai người thân trong gia đình anh L, xác định được anh L đã nhận được giấy báo và các văn bản tố tụng của Tòa án, Uỷ ban nhân dân xã Lương Sơn đã giao giấy báo và các văn bản tố tụng của Tòa án cho gia đình anh L, gia đình anh L cam kết sẽ báo cho anh L biết nhưng anh L không đến Tòa án làm việc.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng không có con chung nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên.

Quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay anh L cố tình vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L không chấp hành nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp theo quy định của pháp luật đối với các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, bị đơn anh L không có mặt tại phiên tòa hôm nay là do anh L tự khước từ quyền lợi và đã được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 56, luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị H được ly hôn anh L, các mối quan hệ khác về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét do chị H không yêu cầu; chị H phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Bùi Văn L tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; như vậy chị H và anh L kết hôn đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng thương yêu nhau, không quan tâm đến nhau; Nay chị H xin ly hôn, anh L không hợp tác để giải quyết; Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh L thì thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh L và chị H như chị H trình bày là đúng, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài; Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh L , nên cần xét xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp với thực tế tình cảm vợ chồng và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Anh L cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn mặc dù Tòa án đã báo, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L ; Như vậy anh L đã từ chối quyền lợi của bản thân, cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên vụ án phải được giải quyết vắng mặt anh L theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng không có con chung nên không đề nghị giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh L vắng mặt không có quan điểm đề nghị, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Bùi Văn L.

2.Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/ 0005261 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Trịnh Thị H có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm, anh Bùi

Văn L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND xã Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Bùi Xuân Trường